

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về kỹ thuật.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung đánh giá   |  | Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt |
|---|--|---------------------------------|
| <b>1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa</b>                                      |  |                                 |
| 1.1. Phạm vi cung cấp   | Cung cấp đầy đủ chủng loại hàng hoá theo biểu phạm vi cung cấp hàng hoá.   | <b>Đạt</b>                      |
|   | Cung cấp không đầy đủ chủng loại hàng hoá theo biểu phạm vi cung cấp hàng hoá  | <b>Không đạt</b>                |
| 1.2. Đặc tính (quy cách), thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất | - Có bảng mô tả, so sánh đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu tại mục 1.2 Chương V- E-HSMT và cung cấp tài liệu chứng minh (catalogue bằng Tiếng Việt hoặc đường dẫn trên trang thông tin điện tử).<br>- Có các cam kết khác tại mục 3 Chương V của E-HSMT   | <b>Đạt</b>                      |
|   | Không đáp ứng các yêu cầu trên   | <b>Không đạt</b>                |
| <b>2. Tính hợp lệ của hàng hoá</b>  |  |                                 |
| Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá.          | - Cung cấp tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá.<br>- Hàng hóa đáp ứng mức sai lệch so với mức đăng ký được chấp nhận về chỉ tiêu chất lượng chính: áp dụng theo mức sai lệch của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam QCVN 01-188:2018/BNNPTNT và theo Thông tư số 12/2018/TT-BNNPTNT | <b>Đạt</b>                      |

|   |  |                  |
|---|--|------------------|
|   | ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.  |                  |
|   | Không tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá.  | <b>Không đạt</b> |
| <b>3. Tổ chức cung ứng hàng hóa</b>   |  |                  |
| <b>3.1 Thuyết minh phương pháp luận, biện pháp cung ứng hàng hóa</b>  | Có thuyết minh phù hợp với gói thầu.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không phù hợp với tính chất gói thầu   | <b>Không đạt</b> |
| <b>3.2 Hạn dùng của hàng hóa:</b><br>Đối với hàng hoá có hạn sử dụng từ 2 năm trở lên, khi giao hàng phải còn hạn sử dụng tối thiểu 12 tháng. Đối với các loại hàng hoá có hạn sử dụng từ 01 năm đến dưới 02 năm khi giao hàng còn hạn dùng tối thiểu 12 tháng. Đối với các loại hàng hoá có hạn dưới 01 năm, khi giao hàng phải còn tối thiểu 80% hạn sử dụng của nhà sản xuất | - Có cam kết cung cấp hàng hoá có hạn sử dụng theo yêu cầu.<br>- Nhà thầu có cam kết thu hồi, đổi trả hàng trong trường hợp hàng hoá đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, không sử dụng được hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.<br><i>(Có cam kết bằng văn bản đính kèm có ký tên đóng dấu nhà thầu)</i> | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có cam kết hoặc có nhưng hạn dùng thấp hơn yêu cầu   | <b>Không đạt</b> |
| <b>4. Tiến độ cung ứng</b>  |  |                  |
| Cung ứng hàng đến tận kho của bên mua không quá 48 giờ từ thời điểm giao nhận hàng được nêu trong đơn đặt hàng  | - Nhà thầu có cam kết cung cấp hàng hóa $\leq 10$ ngày<br>- Cam kết hàng hóa được vận chuyển, giao hàng đến từng địa điểm và thời gian theo yêu cầu của chủ đầu tư<br>- Nhà thầu có cam kết cung ứng hàng hóa đến tận kho của bên mua không quá 48 giờ từ thời điểm giao nhận hàng được nêu trong đơn đặt hàng   | <b>Đạt</b>       |
|   | - Không đáp ứng các yêu cầu trên hoặc không có cam kết đính kèm  | <b>Không đạt</b> |
| <b>5. Uy tín của nhà thầu</b>   |  |                  |

|   |   |                         |
|---|---|-------------------------|
| <p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong thời gian 03 năm gần đây, tính từ thời điểm đóng thầu.</p> | <p>- Nhà thầu không bị kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có);</li> <li>+ Nhà thầu đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng;</li> <li>+ Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung;</li> <li>+ Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng;</li> <li>+ Nhà thầu có hợp đồng chậm tiến độ bị chủ đầu tư xử phạt vi phạm hợp đồng hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu;</li> <li>+ Nhà thầu tham gia dự thầu vi phạm dẫn đến bị tịch thu bảo lãnh dự thầu hoặc bảo lãnh thực hiện hợp đồng;</li> <li>+ Nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;</li> </ul> | <p><b>Đạt</b></p>       |
|   | <p>- Không đáp ứng các yêu cầu trên hoặc không có cam kết đính kèm.</p>   | <p><b>Không đạt</b></p> |
| <p><b>6. Các yếu tố về điều kiện thương mại</b></p>   |   |                         |
| <p>Điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp</p>                                      | <p>- Có cam kết cung cấp đủ số lượng, đảm bảo chất lượng hàng hóa theo đúng giá trúng thầu (kể cả trong trường hợp có trượt giá trong năm).</p>   | <p><b>Đạt</b></p>       |

|                 |   |                  |
|-----------------|---|------------------|
|                 | - Cam kết bàn giao hàng hóa đúng theo yêu cầu, hướng dẫn sử dụng để đảm bảo hiệu quả, chất lượng, an toàn cho người sử dụng.<br>- Cam kết giao hàng tại kho, có trách nhiệm bốc xếp hàng hóa vào kho của chủ đầu tư và chịu toàn bộ chi phí bốc xếp hàng hóa xuống kho. |                  |
|                 | Không có cam kết theo yêu cầu trên.   | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b> | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.   | <b>Đạt</b>       |
|                 | Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.   | <b>Không đạt</b> |

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>7</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): không có**

<sup>7</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.